

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày: 10/8/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi D

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc H1

2. Bà Lê Thị Xuân M

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức T1 – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Thu H2 – Kiểm Sát Viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1510/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 176/2022/QĐST – DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Trụ sở: A, số B, đường N, Phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc I là đại diện theo văn bản ủy quyền số 038/2021/UQ-TTT ngày 19/01/2021.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Y, đường Q, Phường V, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2017 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Nguyễn Ngọc I đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/6/2007, Ngân hàng TMCP S và ông Đặng Văn T2 đã thực hiện việc giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 1.6%/tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T2 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 30.100.000 đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.700.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T2 không có thiện chí trả nợ. Do ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/7/2009 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại điểm này là 47.457.667 đồng là nợ gốc.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu buộc ông T2 thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 30/3/2022 là 224.227.363 đồng (trong đó nợ gốc là 46.457.667 đồng, nợ lãi quá hạn là 176.769.696 đồng. Ngoài ra, ông T2 cần có trách nhiệm lãi phát sinh từ ngày 31/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc I có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là ông Đặng Văn T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số nợ tính đến ngày 10/8/2022 là 229.276.841 đồng (trong đó nợ gốc là 47.457.667 đồng, nợ lãi quá hạn là 181.819.174 đồng)

Bị đơn – ông Đặng Văn T2 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự, thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Đặng Văn T2 có địa chỉ tại Y, đường Q, Phường V, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn – ông Đặng Văn T2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 05/6/2007 đã ký giữa Ngân hàng TMCP S và ông Đặng Văn T2 xác định ông Đặng Văn T2 có mở thẻ tín dụng của Ngân hàng S với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 1.6%. Việc thỏa thuận của các đương sự tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 05/6/2007 phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, mức lãi suất thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giao dịch giữa các bên được xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, hợp pháp nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của đôi bên đối với nhau.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng nói trên, ông Đặng Văn T2 đã thực hiện các giao dịch với số tiền 31.100.000 đồng và thanh toán được 13.700.000 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T2 vẫn không trả nợ nên căn cứ Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 01/7/2009 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T2 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 47.457.667 đồng được chuyển làm nợ gốc và áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất đã thỏa thuận là $1,6\%/năm \times 150\% = 2,4\%/tháng$.

Như vậy do ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận là vi phạm khoản 1, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đặng Văn T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/8/2022 số tiền tổng cộng là: 229.276.841 đồng

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471; khoản 1, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc bị đơn ông Đặng Văn T2 phải thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nợ gốc 47.457.667 đồng, nợ lãi: 181.819.174 đồng. Tổng cộng là 229.276.841 (hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là 2,4%/tháng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 11.463.842 (mười một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi hai) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 4.042.434 (bốn triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0019800 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ông Đặng Văn T2 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.M;
- Chi cục THA DS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi D